TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **47**/2018/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 16 tháng 03 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƠN SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án HNGĐ thụ lý số 229/2017/TLST/HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017, giữa:

***Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn M – Sinh năm: 1969

Địa chỉ: Số nhà 30 đường Y, phường T, quận S, Tp Đà Nẵng.

***Bị đơn**: Bà Nguyễn Thị L - Sinh năm: 1973

Địa chỉ: Số nhà 30 đường Y, phường T, quận S, Tp Đà Nẵng.

Căn cứ Điều 212, Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 03 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 03 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ khi lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị L *(Theo giấy chứng nhận kết hôn số 107, quyển số 13 do Ủy ban nhân dân phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01 tháng 09 năm 1998).*

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị L.

- Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị L xác định vợ chồng có 03 con chung: cháu Nguyễn Văn C– sinh ngày: 29/05/1993; cháu Nguyễn Hòa H – sinh ngày: 28/08/1994 và cháu Nguyễn Hoàng H – sinh ngày: 07/10/2003. Khi ly hôn, Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị L thỏa thuận giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng H cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, ông M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng)*, thời gian thực hiện nghĩa vụ bắt đầu từ tháng 03/2018. Hai cháu Nguyễn Văn C và Nguyễn Hòa H đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường, ông M và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi cần thiết, vì quyền, lợi ích con chung các bên đều có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Bên không nuôi dưỡng con vẫn được thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật, không ai được ngăn cản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị L xác định không có.

- Về án phí HNGĐ-ST: 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị L mỗi người phải chịu 75.000đ, nhưng ông M tự nguyện chịu 150.000đ được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành dân sự quận S, TP Đà Nẵng theo biên lai số 8311 ngày 15/11/2017. Hoàn trả lại cho ông M số tiền còn lại là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng).*

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con: 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng),* ông Nguyễn Văn M phải chịu theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghi theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND quận S;
-UBND phường T;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ TRÂM